

Số: 99/BC-BVTM

Tháp Mười, ngày 24 tháng 7 năm 2020

BÁO CÁO

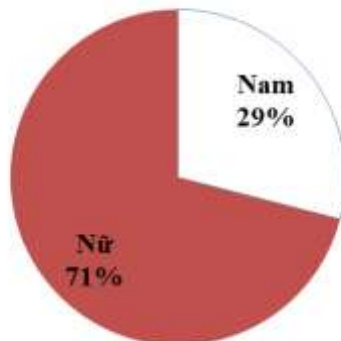
Kết quả khảo sát hài lòng người bệnh ngoại trú quý II năm 2020

Với mục đích nâng cao chất lượng phục vụ bệnh nhân, chúng tôi tiến hành khảo sát đánh giá sự hài lòng của người bệnh khi đến thăm khám và điều trị tại khoa khám bệnh của bệnh viện ở 5 tiêu chí: Khả năng tiếp cận, Sự minh bạch thông tin và thủ tục khám bệnh, điều trị; Cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ người bệnh, Thái độ ứng xử, năng lực chuyên môn của nhân viên y tế; Kết quả cung cấp dịch vụ.

Khảo sát của chúng tôi được tiến hành từ tháng 04 đến hết tháng 6 năm 2020 tại khoa khám bệnh. Người bệnh được chọn ngẫu nhiên, được phỏng vấn trực tiếp qua bộ câu hỏi dựng sẵn dưới sự hướng dẫn của các tình nguyện viên; đã có 200 người bệnh tham gia phỏng vấn. Chúng tôi có đưa ra một số kết quả như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG NGƯỜI BỆNH:

1. Tỷ lệ giới tính



Nhận xét: Tỷ lệ nữ giới đến khám bệnh chiếm tỷ lệ cao hơn so với nam giới

2. Tỷ lệ nhóm tuổi

Nhóm tuổi	Số bệnh nhân (n)	Tỷ lệ (%)	Tuổi trung bình
18-30	41	20,5	48,32 ± 15,94 Min: 18 Max: 78
31-45	42	21,0	
46-60	53	26,5	
>60	64	32,0	
Tổng cộng	200	100	

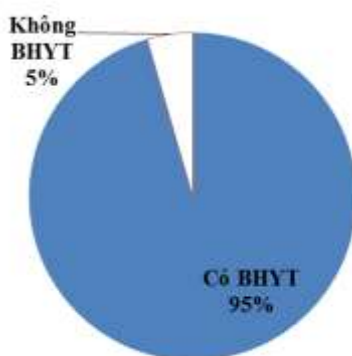
Nhận xét: Độ tuổi trung bình của bệnh nhân đến khám khoảng 48 tuổi.

3. Tỷ lệ khoảng cách từ nơi sinh sống đến bệnh viện

Nhóm tuổi	Số bệnh nhân (n)	Tỷ lệ (%)	Khoảng cách trung bình (km)
< 2 km	0	0	11,27 ± 4,46 Min: 02 Max: 20
2 km – dưới 5km	19	9,5	
5 km – dưới 10 km	47	23,5	
Từ 10 km trở lên	134	67	
Tổng cộng	200	100	

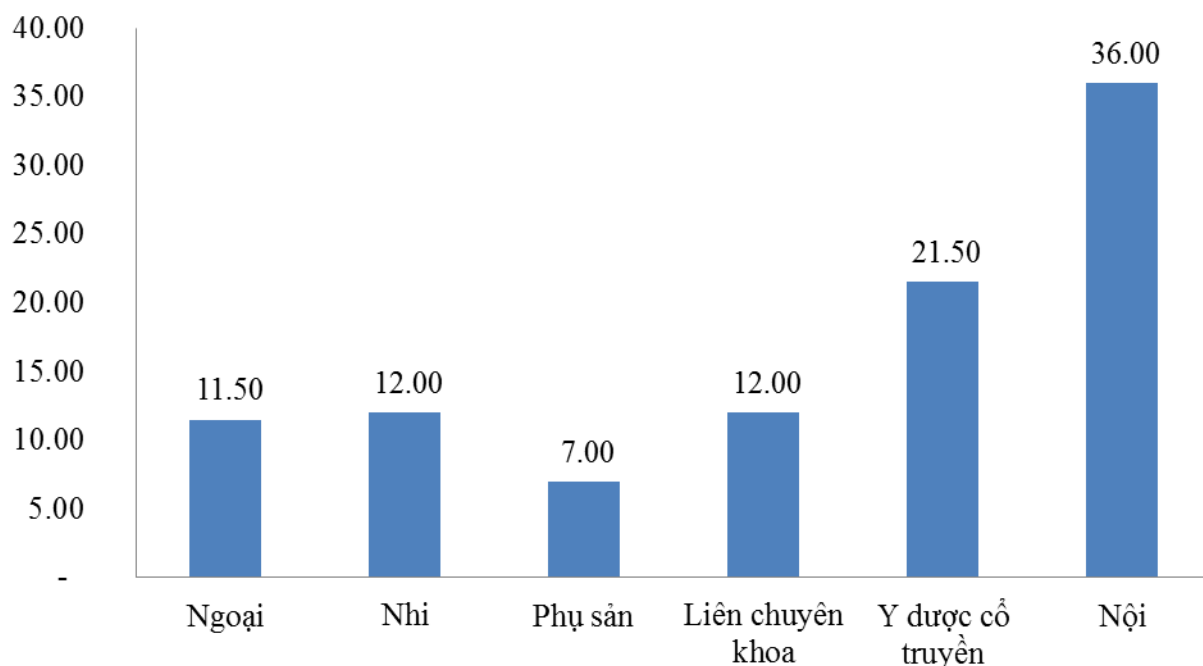
Nhận xét: Khoảng cách trung bình phải di chuyển từ nhà đến bệnh viện của bệnh nhân khoảng 11 km. Số bệnh nhân ở khoảng cách xa (trên 10 km) chiếm tỷ lệ cao nhất (67%). Cho thấy đa số bệnh nhân đến khám là từ các xã trong địa bàn và lân cận.

4. Hình thức khám bệnh:



Nhận xét: Đa số bệnh nhân đến khám đều là bệnh nhân có bảo hiểm y tế chiếm tỷ lệ rất cao 95%

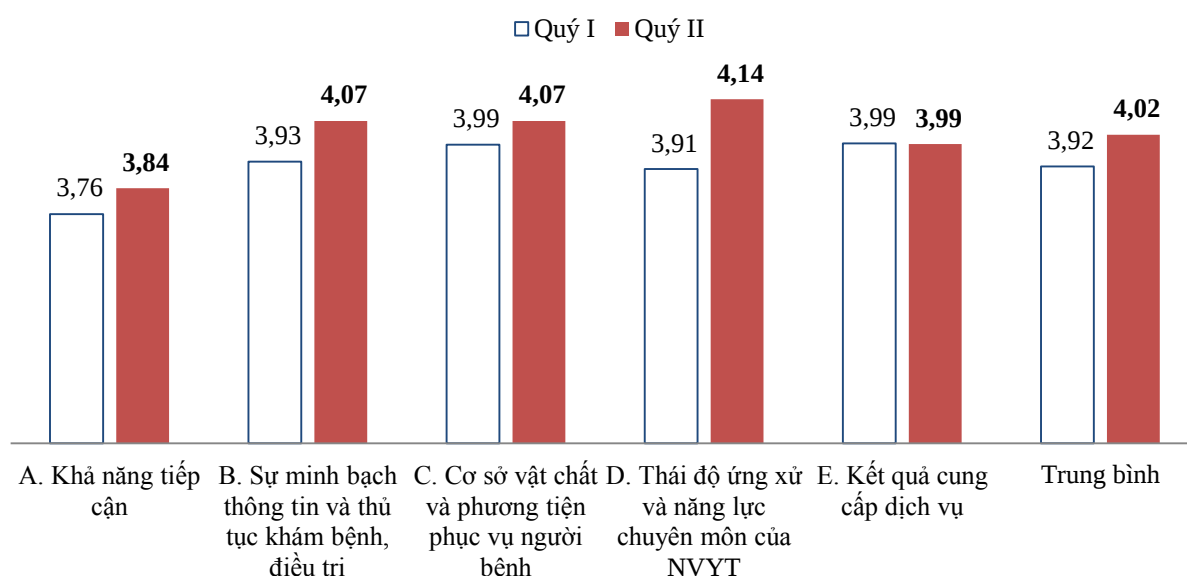
5. Tỷ lệ nhóm bệnh:



Nhận xét: Chiếm tỷ lệ cao nhất là bệnh nhân khám nội (36%), tiếp đến là YDCT (21,5%), bệnh nhân khám phụ sản chiếm tỷ lệ thấp nhất (7%). Các chuyên khoa khác tỷ lệ tương đối đồng đều.

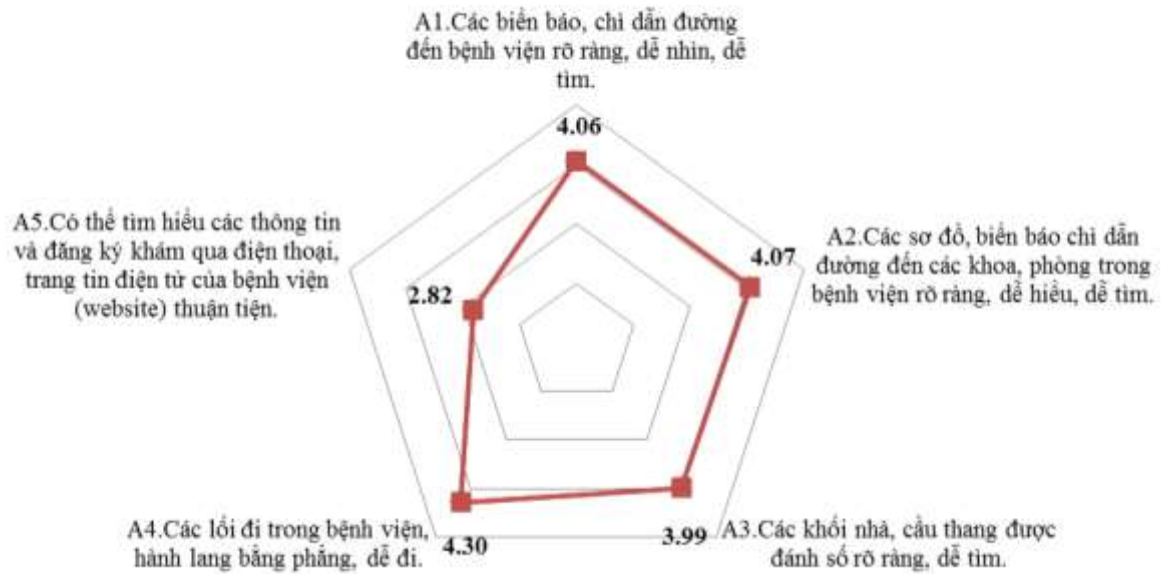
II. MỨC ĐỘ HÀI LÒNG KHI SỬ DỤNG DỊCH VỤ Y TẾ:

Mức độ hài lòng chung



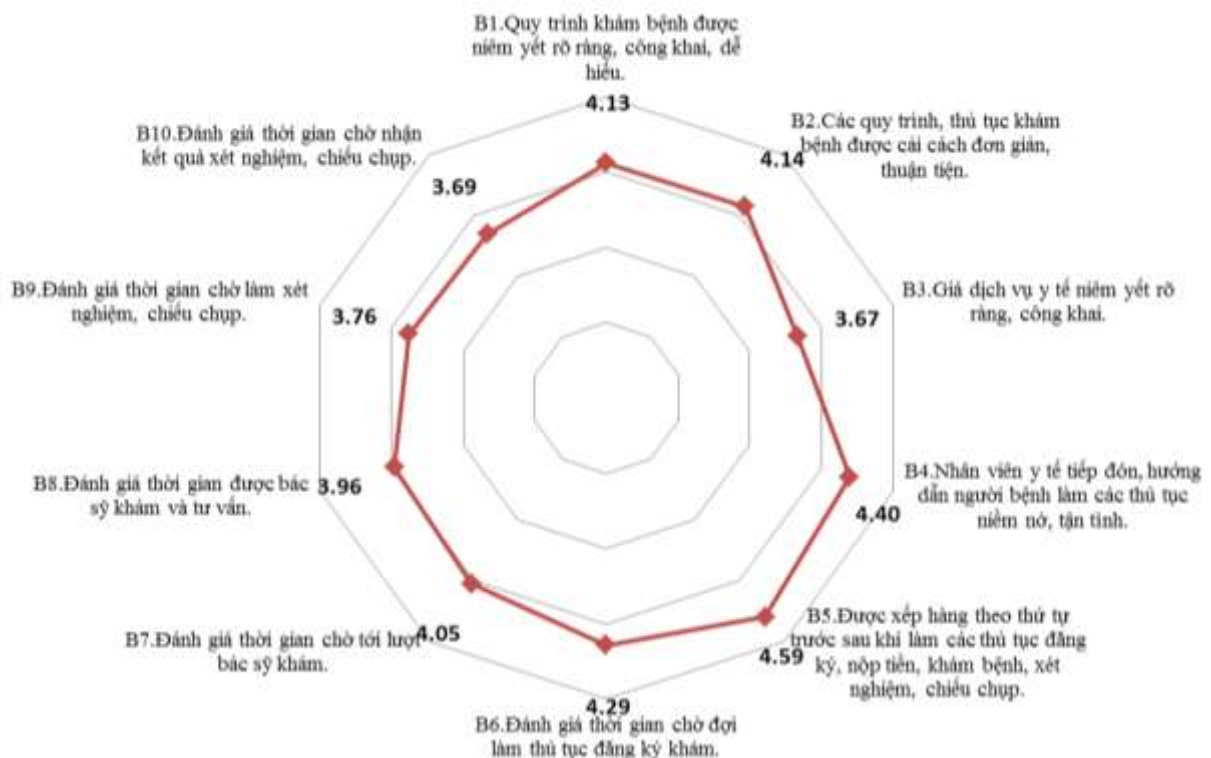
Nhận xét: Mức độ hài lòng chung là **4.02 điểm (80,42%)**. Tỷ lệ này vẫn chưa đạt so với yêu cầu đặt ra là 85%. Trong năm khía cạnh khảo sát thì khía cạnh “D. Thái độ ứng xử và năng lực chuyên môn” có mức độ hài lòng cao nhất 4,14 điểm và thấp nhất là khía cạnh “A. Khả năng tiếp cận” 3,84 điểm. Tuy nhiên, nhìn chung các khía cạnh đều cao hơn sơ với Quý I.

A. Khía cạnh khả năng tiếp cận



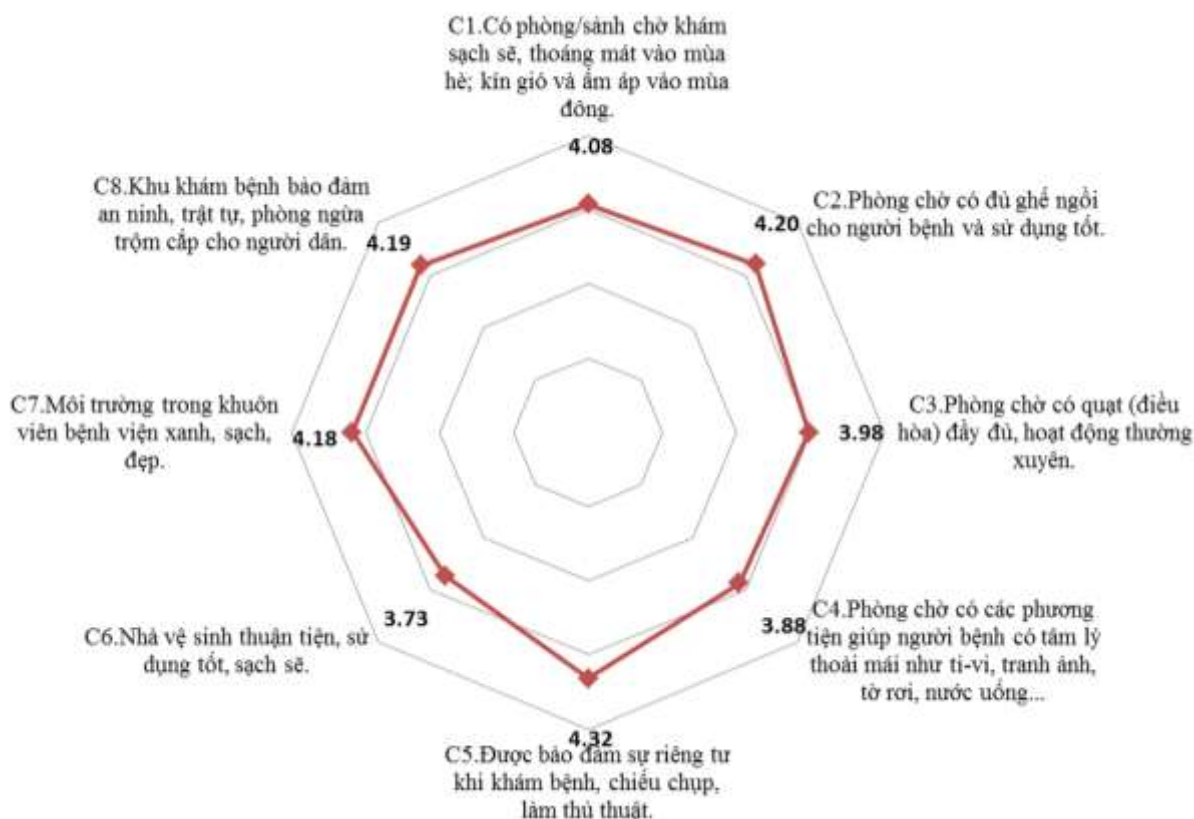
Nhận xét: Nội dung A5.Có thể tìm hiểu thông tin và đăng ký khám qua điện thoại, website bệnh viện chỉ đạt 2.82 điểm, cho thấy khả năng người bệnh có thể tiếp cận thông tin và đăng ký khám qua điện thoại hay website còn khá thấp. Hiện tại, bệnh viện chưa đủ nhân lực và cơ sở vật chất để triển khai loại hình đăng ký khám qua điện thoại.

B. Sự minh bạch thông tin và thủ tục khám, chữa bệnh



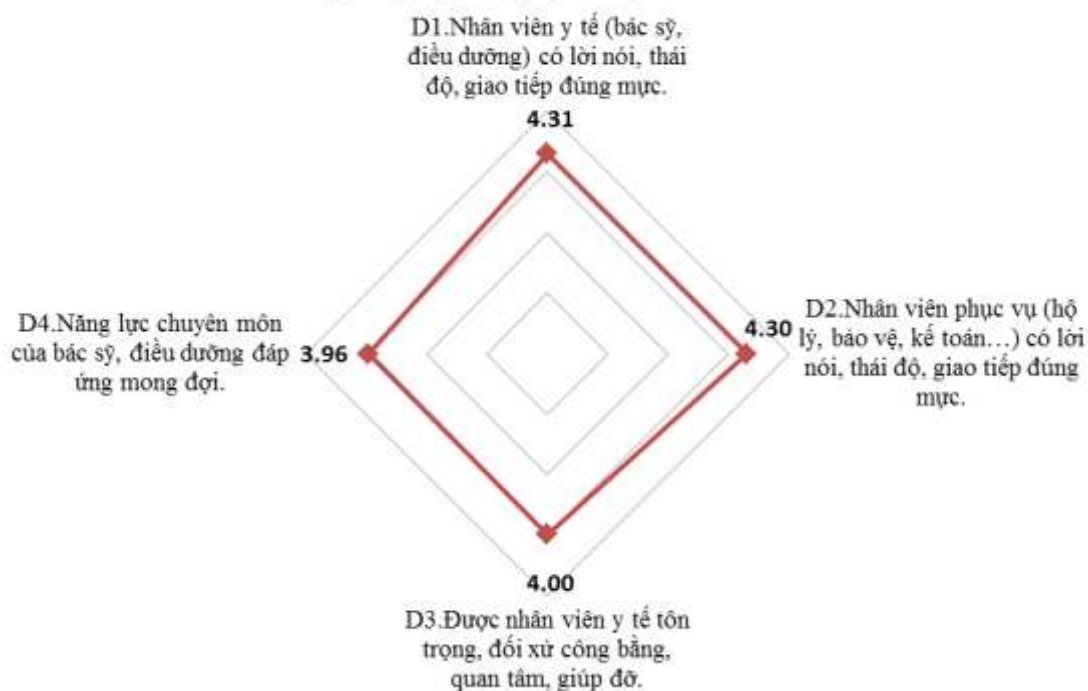
Nhận xét: Ở khía cạnh này. Nội dung “B3. Giá dịch vụ y tế niêm yết rõ ràng, công khai” có số điểm thấp nhất, đạt 3,67 điểm, kể đến là thời gian chờ nhận kết quả xét nghiệm, chiếu chụp 3,69 điểm

C. Khía cạnh cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ người bệnh

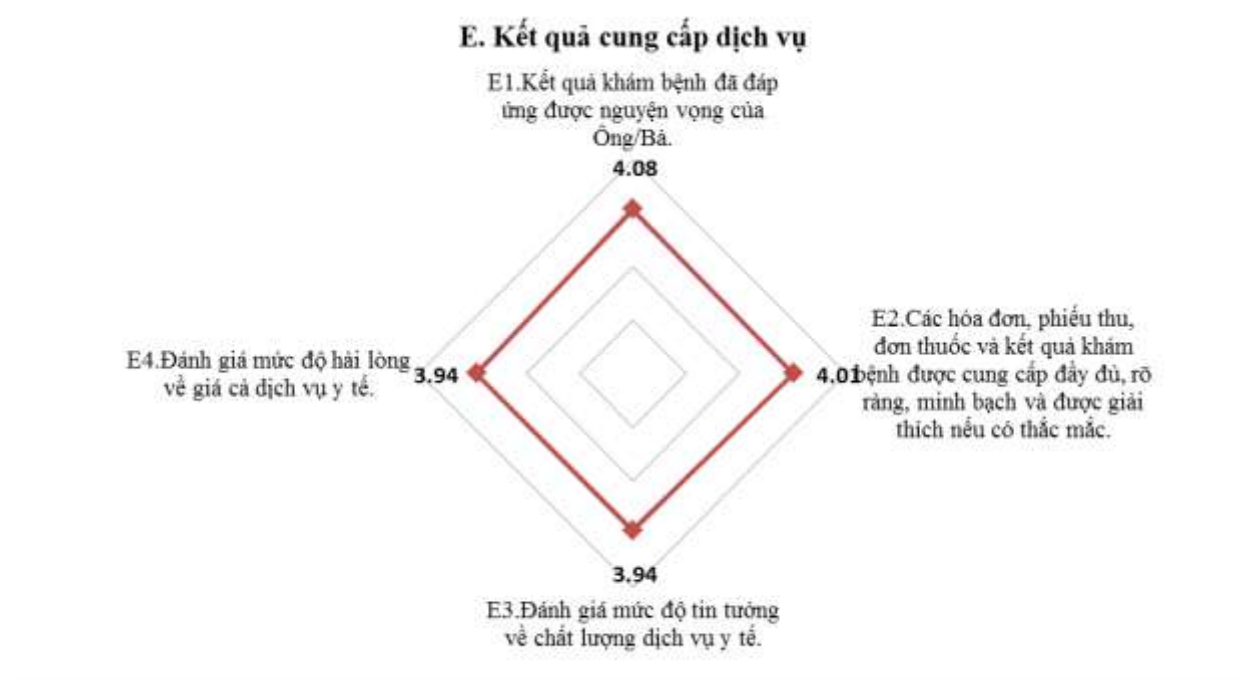


Nhận xét: Nội dung C6. Nhà vệ sinh thuận tiện, sử dụng tốt, sạch sẽ” có số điểm thấp nhất chỉ đạt 3,73 điểm. Kế đến là Nội dung “C4. Phòng chờ có các phương tiện giúp người bệnh có tâm lý thoải mái như ti-vi, tranh ảnh, tờ rơi, nước uống...” 3,88 điểm.

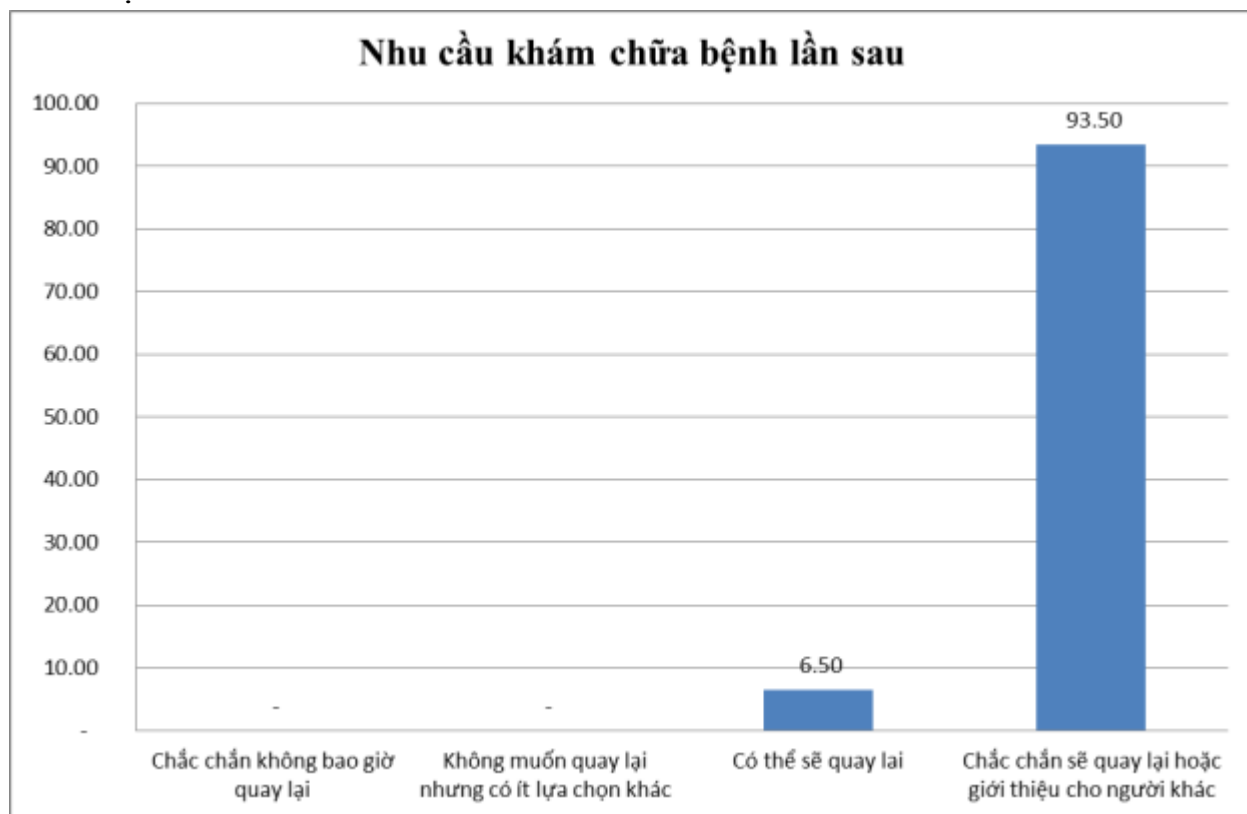
D. Thái độ ứng xử, năng lực chuyên môn của NVYT



Nhận xét: Đa số người bệnh đều hài lòng về ứng xử và chuyên môn của NVYT. Tuy nhiên, công tác chuyên môn NVYT còn một ít hạn chế (3.96 điểm).



Nhận xét: Đa số người bệnh cảm thấy hài lòng về kết quả cung cấp dịch vụ khám bệnh.



Nhận xét: Đa số bệnh nhân được hỏi đều trả lời chắc chắn sẽ quay trở lại khám vào lần sau (93.5%).

TT	MỘT SỐ TIỂU MỤC CÓ MỨC 1 - 2	Số người bệnh	
		Mức 1	Mức 2
1	A5.Có thể tìm hiểu các thông tin và đăng ký khám qua điện thoại, trang tin điện tử của bệnh viện (website) thuận tiện.	3	65
2	C6.Nhà vệ sinh thuận tiện, sử dụng tốt, sạch sẽ.	0	7

3	B3.Giá dịch vụ y tế niêm yết rõ ràng, công khai.	0	5
4	A3.Các khối nhà, cầu thang được đánh số rõ ràng, dễ tìm.	0	3
5	B10.Đánh giá thời gian chờ nhận kết quả xét nghiệm, chiếu chụp.	0	1
6	C3.Phòng chờ có quạt (điều hòa) đầy đủ, hoạt động thường xuyên.	0	1

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ƯU TIÊN GIẢI QUYẾT:

- Thiết lập hệ thống đăng ký thông tin và khám qua điện thoại, website.
- Đảm bảo nhà vệ sinh thuận tiện, sử dụng tốt, sạch sẽ
- Thông tin cụ thể về giá cả các dịch vụ y tế rõ ràng, dễ nhìn, dễ đọc.
- Đánh giá thời gian chờ nhận kết quả xét nghiệm, chiếu chụp.
- Cung cấp các phương tiện nhằm tạo tâm lý thoải mái phục vụ người bệnh.
- Đảm bảo phòng chờ có quạt (điều hòa) đầy đủ, hoạt động thường xuyên

IV. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

Đề xuất Ban giám đốc chỉ đạo các khoa, phòng có liên quan và các bộ phận phụ trách thực hiện một số giải pháp sau:

- Thiết lập và triển khai hệ thống đăng ký thông tin và khám qua điện thoại.
- Tăng cường vệ sinh và kiểm tra nhà vệ sinh tại khoa khám bệnh, mở nhà vệ sinh lầu 01 khi quá tải.
- Lựa chọn các giá dịch vụ thường sử dụng, niêm yết công khai bảng giá to, rõ, đọc tại những nơi tập trung đông người.
- Cung cấp các phương tiện: sách báo, tranh, ảnh, tivi, tài liệu truyền thông giáo dục sức khỏe... giúp người bệnh có tâm lý thoải mái khi chờ khám.
- Nâng cao tư tưởng của cán bộ NVYT trong công tác tiếp xúc với người bệnh, nhiệt tình hướng dẫn, giúp đỡ người bệnh trong mọi trường hợp.
- Đánh giá nhiệt độ hàng ngày, gắn thêm quạt, điều hoà khi cần thiết.

Trên đây là báo cáo kết quả khảo sát hài lòng người bệnh ngoại trú Quý II năm 2020 và các vấn đề cần được ưu tiên giải quyết để nâng cao kết quả hài lòng người bệnh ngoại trú trong thời gian sắp tới./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc (báo cáo);
- Các khoa, phòng;
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QLCL
P.CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Đồng